TAND HUYỆN TIÊN LỮ **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34 /2019/HNGĐ-ST Ngày: 28/ 11/ 2019 "V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LỮ - TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên Toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Đình Hiển

2. Bà Vũ Thị Toan

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thơm – Thư ký Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên tòa*:

Ông Nguyễn Mạnh Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

2. Bị đơn: Chị Trần Hà N, sinh năm 1988

Nơi sinh: Thành phố N, tỉnh Nam Định.

HKTT: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 127, đường 19/5 phường Trần Tế X, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Anh T và chị N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 26/10/2013

Người đại diện theo pháp luật cho cháu A là anh T, chị N – Bố, mẹ đẻ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của các đương sự thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Hà N quen biết và tự tìm hiểu được khoảng 01 năm thì có tiến tới hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Theo anh N trình bày, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế, chi tiêu, tiết kiệm trong gia đình nên vợ chồng không còn tin tưởng nhau, hay xảy ra cãi vã. Vào cuối năm 2017, chị N xúc phạm anh nên vợ chồng cãi nhau, chị N mang con về nhà ngoại ở phường Trần Tế X, thành phố N ở. Bản thân anh T và gia đình đã sang tận N để thuyết phục đón mẹ con chị N về nhưng chị ấy không nghe. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay và không ai còn quan tâm tới ai nữa.

Chị N có hộ khẩu thường trú tại T, xã T, huyện T nhưng lại về nhà ngoại ở N ở nên đã không lên Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Tuy nhiên, sau khi Tòa án nhân dân huyện T tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ chị N đã trình bày quan điểm như sau: Chị N thống nhất với lời khai của anh T về thời điểm đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn vợ chồng. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T không còn vì mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ lâu. Nay trước yêu cầu ly hôn của anh T chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hà A, sinh ngày 26/10/2013. Anh chị thống nhất để chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Hà A. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị N.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh T và chị N đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Nguyên, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung của vụ án: Về tình cảm vợ chồng: Anh T và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh chị nhất trí ly hôn nên đề nghị Tòa án công nhận sự tự

nguyện ly hôn của anh chị. Về con chung: Đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của chị N và anh T để chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà A. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị N. Về tài sản: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Trần Hà N có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điển a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Anh chị đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 16/12/2010 theo giấy chứng nhận kết hôn số 113. Do vậy, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc, anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, về kinh tế và sự tin tưởng cũng như tôn trọng nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã. Mâu thuẫn của anh chị trầm trọng vào cuối năm 2017. Chị N đã cùng con về nhà đẻ ở thành phố N ở và anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong suốt thời gian qua, anh T có sang tìm mẹ con chị N về nhưng chị N không đồng ý. Anh chị không còn tình cảm cũng như sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ lâu. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đều tự khai nhận là nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, do chị N vắng mặt tại các phiên họp và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của anh chị mà HĐXX cho anh T được ly hôn với chị N.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hà A, sinh ngày 26/10/2013. Hiện nay cháu Hà A vẫn đang ở và sinh sống cùng với chị N. Ly hôn anh T và chị N đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên, trước yêu cầu được nuôi con của chị N anh T cũng nhất trí vì cháu Hà A còn nhỏ. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh chị về việc để chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh T nhất trí. Xét đây là sự tự nguyện của anh chị không vi phạm pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ nần: Anh chị không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 BLTTDS:

2. Xử:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Trần Hà N.

2.2.Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T, chị N. Chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 26/10/2013 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị N nhưng được quyền thăm nom cháu A, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 004473 ngày 04/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên, bị đơn. Báo cho nguyên, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-Chi cục THADS huyện;
-UBND xã C
(GCNKH số 32/2011);
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hương